

Bản án số: 18 /2025/DS-ST
Ngày 19/8/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- VĨNH LONG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Được

2. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 13- Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân khu vực 13- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 13- Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long và điểm cầu thành phần trụ sở Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Vĩnh Long, vụ án thụ lý số 324/2025/TLST-DS ngày 20/6/2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXX-ST ngày 31/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bích N, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay địa chỉ là Ấp Chà V, xã V, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Trương Ánh M, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay địa chỉ là Ấp Chà V, xã V, tỉnh Vĩnh Long. (Xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị Bích N trình bày: Ngày 15/6/2020 bà Trương Ánh M có vay mượn của bà số tiền 75.000.000 đồng, cam kết trả dần trong vòng 11 tháng nhưng bà M không thực hiện theo cam kết nên bà khởi kiện tại Tòa án. Bà M thừa nhận còn nợ số tiền gốc là 50.100.000 đồng và 16.882.500 đồng tiền lãi, thoả thuận trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nên bà rút đơn khởi kiện. Từ ngày 15/01/2024 đến nay bà M chỉ trả được 07 lần là 7.000.000 đồng

thì không trả. Nay tiếp tục khởi kiện bà yêu cầu bà M phải trả 59.982.500 đồng và tiền lãi từ tháng 12/2024 đến tháng 04/2025 với lãi suất 10%/năm là 1.788.650 đồng.

Theo lời khai của bà Trương Ánh M trong quá trình giải quyết vụ án: Bà M thừa nhận có vay của bà Bùi Thị Bích N 75.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 2.500.000 đồng, việc đóng lãi không làm biên nhận, quá trình vay bà có trả nợ gốc và còn nợ lại 50.100.000 đồng và tiền lãi. Cuối năm 2023 bà N có khởi kiện bà ra Tòa án, bà và bà N thỏa thuận hàng tháng bà trả 1.000.000 đồng nếu bà có nhiều thì trả nhiều, sau đó bà N rút đơn kiện. Bà có trả bà N được 07 lần là 7.000.000 đồng, còn nợ 43.100.000 đồng và tiền lãi 16.882.500 đồng. Nay bà chấp nhận trả nợ gốc còn lại là 43.100.000 đồng và 16.882.500 đồng, tuy nhiên sau khi bà trả xong nợ gốc thì bà mới trả phần lãi. Riêng về phần tiền lãi bà N yêu cầu tính từ tháng 10/2024 đến 4/2025 của số tiền 59.982.500 đồng là 3.527.000 đồng thì bà không chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay bà N yêu cầu bà M phải trả nợ gốc là 43.100.000 đồng, tiền lãi trước đó là 16.882.500 đồng, tiền lãi từ tháng 12/2024 đến tháng 04/2025 với lãi suất 10%/năm là 1.788.650 đồng bà rút lại không yêu cầu.

Phía bị đơn bà Trương Ánh M xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự buộc bà Trương Ánh M phải trả bà Bùi Thị Bích N số tiền vay còn nợ là 59.982.500 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu về lãi suất của bà Bùi Thị Bích N theo quy định tại Điều 217 và Điều 244 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Trương Ánh M do bà M thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn và nơi thực hiện giao dịch dân sự tranh chấp trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang (Nay là Toà án nhân dân Khu vực 13- Vĩnh Long) theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Bích N yêu cầu bà Trương Ánh M phải trả số tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Tại phiên toà hôm nay bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của bà Bùi Thị Bích N về việc yêu cầu bà Trương Ánh M phải trả số tiền vay còn nợ 43.100.000 đồng và tiền lãi là 16.882.500 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo lời khai của bà N và bà M thì bà M thừa nhận có ký biên nhận, còn nợ bà N 50.100.000 đồng tiền gốc và 16.882.500 đồng tiền lãi. Tuy nhiên sau khi ký nhận nợ thì bà M đã trả được 7.000.000 đồng tiền gốc, phía bà N thừa nhận có nhận 7.000.000 đồng, bà M còn nợ 43.100.000 đồng và 16.882.500 đồng tiền lãi chưa trả vì vậy bà M phải có nghĩa vụ trả theo yêu cầu của bà N.

- Về lãi suất, theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu bà M phải trả lãi của số tiền 59.982.500 đồng từ tháng 12/2024 đến tháng 4/2025 với mức lãi 10%/ năm = 0,83%/30 ngày là 3.527.000 đồng, sau đó bà N có lời khai thay đổi yêu cầu trả lãi, yêu cầu bà M phải trả tiền lãi là 1.788.650 đồng. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay bà N rút tại toàn bộ các khoản lãi này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Bà N không phải chịu án phí. Bà M phải chịu án phí 5% trên số nợ phải trả nhưng bà M có đơn xin miễn án phí do bà M là người cao tuổi nên xét bà M không phải chịu án phí.

[4] Xét về quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; các điều 35; 39; 147; 227; 228; 217; 244; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích N.

Buộc bà Trương Ánh M phải trả bà Bùi Thị Bích N số tiền vay còn nợ 43.100.000 đồng và tiền lãi 16.882.500 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 59.982.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ về yêu cầu giải quyết tiền lãi của bà Bùi Thị Bích N.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí. Bà Bùi Thị Bích N không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.587.737 đồng theo biên lai thu số 0011776 ngày 16/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 13 – Vĩnh Long).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh